

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂY SƠN TỪ QUÝ III/2021 ĐẾN HẾT QUÝ II/2022
(Kèm theo Thư mời chào giá ngày / /2021 của Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A. HÓA CHẤT DÙNG CHO XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC						
I. HÓA CHẤT PHÙ HỢP TRÊN MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC ABX Micros 60						
1	Dung dịch pha loãng	Thùng 10 lít . Thành phần: Organic buffer < 5%; Preservative < 0,1%.	Thùng			
2	Dung dịch ly giải	Chai 1 lít. Thành phần: Lysing agent < 0,1%; Detergent < 5%	Chai			
3	Dung dịch rửa máy thường xuyên	Chai 1 lít. Thành phần: Organic buffer < 5%; Proteolytic enzyme < 1%; Preservative < 1%; Agent < 0,1%; Detergent < 5%.	Chai			
4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	Chai 0,5 lít. Thành phần: Chemical cleaning agent < 5%; Stabilizer < 1%.	Chai			
5	Nội kiểm huyết học (cao/ trung bình/ thấp)	Hộp 3 lọ x 2,5ml. Thành phần: Máu người và máu động vật. Hóa chất dùng để kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học. Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Hộp			
B. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU						
II. QUE THỬ NƯỚC TIỂU PHÙ HỢP VỚI MÁY SINH HÓA NƯỚC TIỂU 10 THÔNG SỐ CLINTEK STATUS (HÃNG SIEMENS)						
6	Que thử nước tiểu 10 thông số	Lọ 100 test. Dùng cho máy Siemen. Thành phần: LEU, NIT, URO, PRO, PH, BLO, SG, KET, BIL, GLU; Protein: 0,15-0,3 g/l (15-30 mg/dl) albumin Blood: 150-620 µg/l (0,015-0,062 mg/dl) haemoglobin Leucocytes: 5-15 cells/hpf in clinical urine Nitrite: 13-22 µmol/l (0,06-0,1 mg/dl) nitrite ion Glucose: 4-7 mmol/l (75-125 mg/dl) glucose Ketone: 0,5-1,0 mmol/l (5-10 mg/dl) acetoacetic acid Bilirubin: 7-14 µmol/l (0,4-0,8 mg/dl) bilirubin	Lọ			
C. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU						
III. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHỨC NĂNG ĐỒNG MÁU PHÙ HỢP TRÊN MÁY (Thrombotimer 4 Channel).						
7	Hóa chất định lượng PT	Hộp có quy cách đóng gói: 10x2 ml. Thành phần: Rabbit Brain thromboplastin; Calcium chloride; heparin inhibitor and Preservatives, Freeze-dried	Hộp			
8	Hóa chất định lượng APTT	Hộp có quy cách đóng gói: 5x4 ml. Thành phần: Ellagic Acid; Buffers and Preservatives; Calcium Chloride (CaCl2) 0.02M	Hộp			
9	Hóa chất định lượng Fibrinogen	Hộp có quy cách đóng gói: 8x2 ml + 1x100 ml; Thành phần Bovine Thrombin ≈ 100NIH u/ml; Imidazole Buffer; Caolin Solution	Hộp			
10	Hóa chất hiệu chuẩn máy	Hộp có quy cách đóng gói: 4x1 ml;	Hộp			
11	Hóa chất kiểm chứng mức trung bình (Normal)	Hộp có quy cách đóng gói: 4x1 ml;	Hộp			
12	Hóa chất kiểm chứng mức bệnh lý (Pathological)	Hộp có quy cách đóng gói: 4x1ml;	Hộp			

13	Cuvet có bì khuấy từ	Hộp 1000 cái. Thành phần: Cuvet nhựa và bì kim loại. Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Thrombotimer 4 Channel	Hộp			
D. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA						
IV. HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG XL - 180/ ERBA-ĐỨC						
14	Hóa chất định lượng ALT/GPT	Hộp có quy cách đóng gói: R1:6 x 44 ml , R2:3 x 22 ml. Thành phần: R1 Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l L-Alanine 709 mmol/l LDH (microbial) ≥ 2000 U/l R2 CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol/l NADH 1.05 mmol Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
15	Hóa chất định lượng AST/GOT	Hộp có quy cách đóng gói: R1:6 x 44 ml , R2:3 x 22 ml Thành phần: R1 Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l L-aspartic acid 340 mmol/l LDH ≥ 4000 U/l MDH ≥ 750 U/l R2 CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol/l NADH 1.05 mmol/l Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
16	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp có quy cách đóng gói: R1:6 x 44ml , R2:3 x 22ml Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l HCl 23 mmol/l R2 Sodium Nitrite 2.9 mmol/l Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
17	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp có quy cách đóng gói: R1:6 x 44ml , R2:3 x 22ml Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l HCl 58.8 mmol/l Cetrimide 68.6 mmol/l R2 Sodium Nitrite 2.90 mmol/l Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
18	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hộp có quy cách đóng gói: 10 x 44ml Thành phần: Good's Buffer 50 mmol/l Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l Cholesterol esterase ≥ 200 U/l Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l Peroxidase ≥ 3 Ku Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
19	Hóa chất định lượng Triglycerides	Hộp có quy cách đóng gói: 10 x 44 ml Thành phần:R1 PIPES buffer (pH 7.0) 50 mmol/l ATP 2.85 mmol/l Mg 60 mmol/l Glycerol Kinase (GK) 1.5 U/ml Glycerol-3-phosphate oxidase (GPO) 6.0 U/ml Toos 0.48 mmol/l R2 Peroxidase 15.0 U/ml Lipoprotein Lipase 25.0 U/ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			

20	Hóa chất định lượng HDL trực tiếp	Hộp có quy cách đóng gói: R1: 4 x 30 ml ,R2:4 x 10ml. Thành phần: R1 MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l MgCl₂ 2 mmol/l R2 MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l Cholesterol esterase 5 kU/l Cholesterol oxidase 20 kU/l Peroxidase 5 kU/l 4-aminoantipyrine 0.9 g/l Detergent 0.5 % R3 CAL HDL/LDL Calibrator concentration: see bottle label. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO.	Hộp			
21	Hóa chất hiệu chuẩn HDL	Hộp có quy cách đóng gói: 2x1 ml. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
22	Hóa chất định lượng Creatinine Kinase	Hộp có quy cách đóng gói: R1:2 x 44 ml , R2:2 x 11 ml. Thành phần: R1 Imidazole buffer, pH 6.1 125 mmol/l Glucose 25 mmol/l Magnesium acetate 12.5 mmol/l EDTA 2 mmol/l N-acetylcysteine 25 mmol/l NADP 2.4 mmol/l Hexokinase > 6.8 U/ml R2 ADP 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase > 8.8 U/ml Creatine phosphate 250 mmol/l AMP 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate 103 µmol/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
23	Hóa chất định lượng CK-MB	Hộp có quy cách đóng gói:: R1:2x44ml + R2: 2x11ml. Thành phần: R1: Imidazole buffer, pH 6.1; Glucose; Magnesium acetate; EDTA; N-acetyl-L-cysteine; NADP; Hexokinase Anti-CK antibodies (goat) blocking capacity up to 2000 U/l CK-MM R2: ADP; D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase; Creatine phosphate; AMP	Hộp			
24	Hóa chất định lượng Urea	Hộp có quy cách đóng gói: R1:5 x 44 ml , R2:5 x 11ml Thành phần: R1 Tris Buffer 100 mmol/l a-Ketoglutarate 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean) ≥10 KU/l GLDH (Microorganism) ≥ 2.5 KU/l R2 NADH 1.66 mmol/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
25	Hóa chất định lượng Creatinine	Hộp có quy cách đóng gói: R1:5 x 44 ml , R2:5 X 11ml Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l R2: Picric Acid 26 mmol/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			

26	Hóa chất định lượng Glucose	Hộp có quy cách đóng gói: 10 x 44 ml Thành phần: Phosphate buffer 250 mmol/l Glucose oxidase >25 U/ml Peroxidase >2 U/ml Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
27	Hóa chất định lượng Uric acid	Hộp có quy cách đóng gói: 10 x 44 ml Thành phần: R1 + R2 Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l TOOS 0.48 mmol/l Uricase 200 U/l Peroxidase 5000 U/l 4-Aminoantipyrine 1.5 mmol/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
28	Hóa chất định lượng Gamma Glutamyl Transferase	Hộp có quy cách đóng gói R1: 2 x 44 ml, R2: 2 x 11 ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
29	Hóa chất định lượng Alpha Amylase	Hộp có quy cách đóng gói: 5 x 22 ml Thành phần: MES buffer 50 mmol/l Calcium Chloride 3.81 mmol/l Sodium Chloride 300 mmol/l Potassium Thiocyanate 450 mmol/l Sodium Azide 13.85 mmol/l CNPG 0.91 mmol/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
30	Hóa chất đo độ cồn trong máu (Ethanol)	Hộp có quy cách đóng gói: 10x10 ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
31	Hóa chất định lượng Albumin	Hộp có quy cách đóng gói: 10 x 44 ml. Thành phần: Bromocresol green 0.21 mmol/l Succinate Buffer 100 mmol/l Sodium Azide 0.5 g/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
32	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Hộp có quy cách đóng gói: 10x44ml Thành phần Copper II Sulphate 12 mmol/l Potassium Sodium Tartrate 31.9 mmol/l Potassium Iodide 30.1 mmol/l Sodium Hydroxide 0.6mol/l. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
33	Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c	Hộp có quy cách đóng gói: 4x0,25 ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
34	Hóa chất định lượng HbA1c	Hộp có quy cách đóng gói: R1: 1x24 ml, R2: 1x8 ml + 1x4 ml, R3: 2x50 ml. Thành phần: R1: Buffer 20 mmol/l Latex 1.5 % R2a: Buffer 10 mmol/l Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody 5.5 mg/dl R2b: Buffer 1 mmol/l Goat anti-mouse IgG polyclonal antibody 67 mg/dl Stabilizers R3: Hemolysing solution. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
35	Hóa chất kiểm chứng HbA1c	Hộp có quy cách đóng gói: 1x0,25 ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
36	Hóa chất kiểm chứng mức bình thường (Normal)	Hộp có quy cách đóng gói: R1:4 x 5 ml., R2: 1x20 ml. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
37	Hóa chất kiểm chứng mức bệnh lý (Path)	Hộp có quy cách đóng gói: R1:4 x 5 ml., R2: 1x20 ml. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			

38	Hóa chất hiệu chuẩn máy	Hộp có quy cách đóng gói: 4x3 ml. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
39	Hóa chất rửa máy	Hộp có quy cách đóng gói: 4x100 ml. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
40	Khay phản ứng cho máy sinh hóa	Hộp 10 cái. Phù hợp cho máy sinh hóa XL-180	Cái			
41	Hóa chất rửa máy tự động	Hộp có quy cách đóng gói: R1: 5 x 44 ml, R2: 5 x 44 ml. Thành phần: R1: HCl, H3PO4, detergent. pH: 1,2 +/- 0,5 R2: NaOH, detergent. pH: 13,1 +/- 0,5 Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp			
42	Bóng đèn Halogen	Hộp 1 cái. Phù hợp cho máy sinh hóa XL-180	Hộp			
43	Cồng đo	Bì 500 cái. Phù hợp cho máy sinh hóa XL-180	Bì			

V. HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ CHO MÁY ĐIỆN GIẢI ĐỒ ERBAR LYTEPLUS có trong máy Erba XL - 180

44	Dung dịch kiểm chứng QC Erba lyte	Chai 100ml	Chai			
45	Dung dịch rửa Erba Lyte	Chai 100ml	Chai			
46	Dung dịch châm điện cực K Electrode Fill Solution	Chai 100ml	Chai			
47	Dung dịch châm điện cực NA & CL Electrode Fill Solution	Chai 100ml	Chai			
48	Dung dịch châm điện cực REFERENCE Electrode Fill Solution	Chai 100ml	Chai			
49	Dung dịch châm điện cực NA Conditioner	Chai 100ml	Chai			
50	Thuốc thử Erba Lyte Plus Reagent Pack (Na/K/Cl) (Pack)	Hộp 650 ml- Std.A & 350 ml-Std.B	Hộp			
51	Điện cực K Electrode	Hộp 1 cái	Hộp			
52	Điện cực Na Electrode	Hộp 1 cái	Hộp			
53	Điện cực Cl Electrode	Hộp 1 cái	Hộp			
54	Điện cực Erba Lyte Reference Electrode	Hộp 1 cái	Hộp			
55	Màng lọc điện cực Erba Lyte Reference Membrane	Hộp 1 cái	Hộp			

E. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH

VI. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH PHÙ HỢP TRÊN MÁY MIỄN DỊCH AIA-360 Tosoh

56	Hóa chất định lượng TSH	Hộp 100 Test	Hộp			
57	Hóa chất định lượng TT3	Hộp 100 Test	Hộp			
58	Hóa chất định lượng T4	Hộp 100 Test	Hộp			
59	Hóa chất định lượng IFT3	Hộp 100 Test	Hộp			
60	Hóa chất định lượng FT4	Hộp 100 Test	Hộp			
61	Hóa chất định lượng HBsAg	Hộp 100 Test	Hộp			
62	Hóa chất định lượng HBsAb	Hộp 100 Test	Hộp			
63	Hóa chất định lượng BHCgII	Hộp 100 Test	Hộp			
64	Hóa chất định lượng cTnI 3 rd -Gen	Hộp 100 Test	Hộp			
65	Hóa chất định lượng AFP	Hộp 100 Test	Hộp			
66	Hóa chất hiệu chuẩn TSH(3G)	Hộp 1ml x 12	Hộp			

67	Hóa chất hiệu chuẩn TT3	Hộp 1ml x 12	Hộp			
68	Hóa chất hiệu chuẩn T4	Hộp 1ml x 12	Hộp			
69	Hóa chất hiệu chuẩn IFT3	Hộp 1ml x 12	Hộp			
70	Hóa chất hiệu chuẩn FT4	Hộp 1ml x 12	Hộp			
71	Hóa chất hiệu chuẩn HBsAg	Hộp 1ml x 4	Hộp			
72	Hóa chất hiệu chuẩn HBsAb	Hộp 1ml x 12	Hộp			
73	Hóa chất hiệu chuẩn BHCGII	Hộp 1ml x 12	Hộp			
74	Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3 rd -Gen	Hộp 1ml x 12	Hộp			
75	Hóa chất hiệu chuẩn AFP	Hộp 1ml x 4	Hộp			
76	Hóa chất pha loãng TSH (3G)	Hộp 4ml x 4	Hộp			
77	Hóa chất pha loãng TT3	Hộp 4ml x 4	Hộp			
78	Hóa chất pha loãng T4	Hộp 4ml x 4	Hộp			
79	Hóa chất định lượng HBeAb	Hộp 100 Test	Hộp			
80	Hóa chất hiệu chuẩn HBeAb	Hộp 1ml x 4	Hộp			
81	Hóa chất định lượng HBcAb	Hộp 100 Test	Hộp			
82	Hóa chất hiệu chuẩn HBcAb	Hộp 1ml x 2 + 0.5ml x 2	Hộp			
83	Hóa chất định lượng CEA	Hộp 100 Test	Hộp			
84	Hóa chất hiệu chuẩn CEA	Hộp 1ml x 4	Hộp			
85	Hóa chất định lượng CA19-9	Hộp 100 Test	Hộp			
86	Hóa chất hiệu chuẩn CA19-9	Hộp 1ml x 12	Hộp			
87	Hóa chất định lượng CA - 125	Hộp 100 Test	Hộp			
88	Hóa chất hiệu chuẩn CA-125	Hộp 1ml x 12	Hộp			
89	Hóa chất định lượng CA15-3	Hộp 100 Test	Hộp			
90	Hóa chất hiệu chuẩn CA15-3	Hộp 1ml x 12	Hộp			
91	Hóa chất định lượng FREE PSA	Hộp 100 Test	Hộp			
92	Hóa chất hiệu chuẩn Free PSA	Hộp 1ml x 12	Hộp			
93	Hóa chất định lượng PSA II	Hộp 100 Test	Hộp			
94	Hóa chất hiệu chuẩn PSA II	Hộp 1ml x 12	Hộp			
95	Hóa chất định lượng PAP	Hộp 100 Test	Hộp			
96	Hóa chất hiệu chuẩn PAP	Hộp 1ml x 4	Hộp			
97	Hóa chất định lượng C-Peptide II	Hộp 100 Test	Hộp			
98	Hóa chất hiệu chuẩn C-Peptide II	Hộp 1ml x 4	Hộp			

99	Hóa chất định lượng CK-MB	Hộp 100 Test	Hộp			
100	Hóa chất hiệu chuẩn CK-MB	Hộp 1ml x 12	Hộp			
101	Hóa chất pha loãng CK-MB	Hộp 4ml x 4	Hộp			
102	Hóa chất định lượng D-dimer	Hộp 100 Test	Hộp			
103	Hóa chất hiệu chuẩn D-dimer	Hộp 1ml x 12	Hộp			
104	Hóa chất định lượng MYOGLOBIN	Hộp 100 Test	Hộp			
105	Hóa chất hiệu chuẩn MYOGLOBIN	Hộp 1ml x 12	Hộp			
106	Hóa chất định lượng FER	Hộp 100 Test	Hộp			
107	Hóa chất hiệu chuẩn FER	Hộp 1ml x 4	Hộp			
108	Hóa chất định lượng HCGII	Hộp 100 Test	Hộp			
109	Hóa chất hiệu chuẩn HCGII	Hộp 1ml x 12	Hộp			
110	Hóa chất rửa (WASH CONCENTRATE)	Hộp 100ml x 4	Hộp			
111	Hóa chất pha loãng (DILUENT CONCENTRATE)	Hộp 100ml x 4	Hộp			
112	Hóa chất nền (SUBSTRATE SET II)	Hộp 100ml x 2	Hộp			
113	Hóa chất kiểm chứng (MULTI-CONTROL LEVEL 1)	Hộp 5ml x 3	Hộp			
114	Hóa chất kiểm chứng (MULTI-CONTROL LEVEL 2)	Hộp 5ml x 3	Hộp			
115	Hóa chất kiểm chứng (MULTI-CONTROL LEVEL 3)	Hộp 5ml x 3	Hộp			
116	Hóa chất kiểm chứng (HBV ANTIBODY CONTROL SET)	Hộp 2set x 2level	Hộp			
117	Hóa chất kiểm chứng (HBV ANTIGEN CONTROL SET)	Hộp 6set x 2level	Hộp			
118	Cốc đựng hóa chất (Detector standardization cup)	Hộp 200 Test	Hộp			
119	Cốc đựng mẫu bệnh phẩm (Sample Cup)	Hộp 1000 cup	Hộp			
120	Kít Fascelisa (Sán lá gan lớn)	Hộp 96 kít. Thành phần: Positive Control: 1ml Negative Control: 1 ml Protein - A HRP Conjugate: 11ml Dilution Buffer: 2 x 30ml Wash Buffer (20X): 25ml TMB Substrate Solution: 11ml Stop Solution: 11ml	Hộp			
121	Kít Toxocara (giun đũa chó)	Hộp 96 kít. Thành phần: Positive Control: 1ml Negative Control: 1 ml Protein - A HRP Conjugate: 11ml Dilution Buffer: 2 x 30ml Wash Buffer (20X): 25ml TMB Substrate Solution: 11ml Stop Solution: 11ml	Hộp			

F. SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO.

VII. HÓA CHẤT DÙNG CHO XÉT NGHIỆM ĐỊNH NHÓM MÁU ABO, Rh						
122	Huyết thanh mẫu Anti A	Lọ 10ml. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên A trong hồng cầu và kháng thể B trong huyết tương. Tiêu chuẩn ISO	Lọ			
123	Huyết thanh mẫu Anti B	Lọ 10ml. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên B trong hồng cầu và kháng thể A trong huyết tương. Tiêu chuẩn ISO	Lọ			
124	Huyết thanh mẫu Anti AB	Lọ 10ml. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên A và kháng nguyên B trong hồng cầu, kháng thể B và kháng thể A trong huyết tương. Tiêu chuẩn ISO	Lọ			
125	Huyết thanh mẫu Anti D	Lọ 10ml. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Được tạo ra từ hỗn hợp kháng thể đơn dòng Anti D IgM và IgG của người. Tiêu chuẩn ISO	Lọ			
VIII. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM LATEX ĐỊNH TÍNH						
126	Hóa chất định tính chẩn đoán viêm khớp, thấp khớp, thấp tim, nhiễm trùng liên cầu (ASO)	Hộp 100 test. Thành phần: R1: ASO Latex Antigen 1x4 ml; R2: Positive Control 1x1ml; R3: Negative Control 1x1 ml. Tiêu chuẩn ISO	Hộp			
127	Hóa chất định tính xác định phản ứng viêm (CRP)	Hộp 100 test. Thành phần: R1: CRP Latex Antigen 1x4 ml; R2: Positive Control 1x1ml; R3: Negative Control 1x1 ml. Tiêu chuẩn ISO	Hộp			
128	Hóa chất định tính xác định yếu tố thấp (RF)	Hộp 100 test. Thành phần: R1: RF Latex Antigen 1x4 ml; R2: Positive Control 1x1ml; R3: Negative Control 1x1 ml. Tiêu chuẩn ISO	Hộp			
IX. TEST CHẨN ĐOÁN NHANH						
129	Test nhanh chẩn đoán kháng thể sốt xuất huyết IgG/IgM	Dạng khay. Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue. Có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE,	Test			
130	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue NS1	Định tính kháng nguyên dengue virus NS1 ở trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người, Dạng: khay nhựa Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Test			
131	Test chẩn đoán nhanh kháng thể H. pylori trong máu	Xét nghiệm nhanh tìm kháng thể kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Dạng: khay nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Test			
132	Test chẩn đoán viêm gan C (HCV)	Định tính phát hiện các kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Dạng khay. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Test			

133	Test chẩn đoán viêm gan B (HBsAb)	Định tính phát hiện kháng thể HBsAb trong huyết thanh hoặc huyết tương. Tiêu chuẩn ISO, CE	Test			
134	Test chẩn đoán viêm gan B (HBeAg)	Định tính phát hiện kháng nguyên HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Dạng khay. Đạt tiêu chuẩn ISO,CE	Test			
135	Test chẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Dạng khay. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Test			
136	Test chẩn đoán nhanh viêm gan A (HAV)	Dạng: khay nhựa. Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng virus viêm gan A Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Test			
137	Test thử ma túy 4 trong 1 (THC-MET-AMP-MOR)	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời MOP300/ AMP1000/ MET1000/ THC50 trong nước tiểu Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO, CE,	Test			
138	Test thử ký sinh trùng sốt rét	Dạng khay nhựa. Phát hiện 2 chủng P.falciparum và P. vivax Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Test			
139	Test chẩn đoán HIV	Sử dụng để định tính phát hiện các kháng thể kháng HIV1/2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Dạng khay. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Test			
140	Test thử nhanh vi rút SARS-CoV-2	- Dạng khay - Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 - Thành phần: Cộng hợp vàng và các kháng thể đơn dòng các kháng nguyên SARS-CoV-2 - Vạch kết quả chứa các kháng thể đơn dòng kháng các kháng nguyên SARS-CoV-2 - Vạch chứng Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, GMP	Test			
141	Test kiểm tra hàn the	Hộp 50 test	Hộp			
142	Test kiểm tra nhanh độ ôi khét trong dầu mỡ	Hộp 20 test	Hộp			
143	Test kiểm tra nhanh Formol	Hộp 20 test	Hộp			
144	Test kiểm tra nhanh Methanol trong rượu	Hộp 10 test	Hộp			
145	Test kiểm tra nhanh phẩm màu	Hộp 20 test	Hộp			
146	Test kiểm tra nhanh thuốc trừ sâu	Hộp 10 test	Hộp			
X. HÓA CHẤT KHÁC						
147	Bộ hóa chất nhuộm Gram	Bộ 4 chai x100ml	Bộ			

